

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST**

**Ngày 30/6/2021**

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Vũ Mạnh Cường**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Trần Đại Nghĩa và ông Nguyễn Thành Lam**

*- Thư ký phiên tòa:* **Ông Phạm Việt Dũng** là Thư ký Tòa án

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:* **Ông Nguyễn Xuân Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** **Chị Trần Thị Phương T**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: 24/4 ấp B, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

+ **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Hoàng S**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: 67/4A ấp Đ, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

+ **Người làm chứng:**

**1. Bà Bùi Thị H**, sinh năm: 1954

Địa chỉ: 67/4 ấp Đ, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

**2. Bà Lữ Thị Kim L**, sinh năm: 1962

Địa chỉ: 24/4 ấp B, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

(Chị T, anh S, bà H và bà L vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2020, các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị Phương T trình bày:**

Chị T và anh Nguyễn Hoàng S tự nguyện quen biết tìm hiểu được thời gian thì hai bên kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/5/2005. Đây là hôn nhân lần đầu của chị T và anh S. Sau kết hôn, vợ chồng sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S sống không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn. Chị T nhiều lần khuyên giải nhưng anh S không nghe, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân, giữa chị T và anh S không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị T ly hôn với anh S.

+ Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hoàng Yến N, sinh ngày 12/9/2006 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 14/9/2010. Từ thời gian vợ chồng sống ly thân, thì hai con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung, nợ riêng: Không có, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không còn yêu cầu gì khác, ngày 15/6/2021 chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Theo biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2021, các lời khai tiếp theo bị đơn anh Nguyễn Hoàng S trình bày:**

Anh S thừa nhận việc quen biết, tìm hiểu và kết hôn của vợ chồng như chị Trần Thị Phương T trình bày ở trên là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh S thừa nhận do anh S chơi bời dẫn đến nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Sau khi trả nợ xong, anh S đã thay đổi nhưng chị T nhiều lần hay đưa chuyện cũ ra để nói nặng nhẹ với anh S. Ngoài ra, quá trình chung sống chị T nhiều lần bỏ nhà đi qua đêm nên anh S nghi ngờ chị T không chung thủy với anh từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Khoảng 01 năm nay chị T về nhà cha mẹ ruột để sinh sống, giữa vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay chị T cương quyết ly hôn thì anh S đồng ý nhưng do anh S theo đạo công giáo nên không thể ký đơn ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày là đúng, trường hợp ly hôn anh S đồng ý giao hai con chung chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung, nợ riêng: Không có, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh S không còn yêu cầu gì khác, ngày 21/01/2021 anh S có đơn xin xét xử vắng mặt

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2021 cho nguyên đơn chị Trần Thị Phương T và bị đơn anh Nguyễn Hoàng S. Ngày 21/01/2021 và ngày 15/6/2021 anh S và chị T có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 28, 47). Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Phương T khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Hoàng S có địa chỉ tại số 67/4A ấp Đ, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Trần Thị Phương T là nguyên đơn, anh Nguyễn Hoàng S là bị đơn.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 10, 11 và 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết: Chị Trần Thị Phương T và anh Nguyễn Hoàng S khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/5/2005 (BL 06) theo quy định tại Điều 9, 10, 11 và 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ. Trong cuộc sống hôn nhân, chị T và anh S cùng thừa nhận giữa vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nên chị T và anh S đã không còn sống chung với nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 20, 17, 16) điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ở biên bản lấy lời khai của người làm chứng (BL 29, 30).

[6.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị T yêu cầu ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[6.2] Xét ý kiến, yêu cầu của anh S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T là phù hợp với nhận định trên và Luật hôn nhân gia đình nên cần ghi nhận.

[7] Về con chung: Anh S và chị T có hai con chung là Nguyễn Phúc H, sinh ngày 14/9/2021 và Nguyễn Hoàng Yến N, sinh ngày: 12/9/2006. Xét yêu cầu của chị T được nuôi dưỡng hai con chung là có căn cứ. Bởi lẽ, từ thời gian vợ chồng không còn sống chung với nhau thì hai con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống sinh hoạt và việc ăn học của con chung đã ổn định. Quá trình chị T nuôi dưỡng hai con chung thì các cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, được ăn uống đi học đầy đủ và chị T cũng không có hành vi bạo hành, đánh đập đối với các con chung. Ngoài ra, hai con chung là cháu N và cháu H đều có nguyện vọng được sống với chị T trong trường hợp cha mẹ không còn sống chung với nhau (BL 21, 22).

[7.1] Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu nuôi hai con chung của chị T.

[7.2] Xét ý kiến, yêu cầu của anh S đồng ý để chị T nuôi dưỡng hai con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với luật hôn nhân gia đình nên cần ghi nhận.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật về quyền được yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và nghĩa vụ của người không nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con trong trường hợp giao con cho chị T được nuôi dưỡng. Tuy nhiên, theo chị T trình bày hiện nay chị có nghề nghiệp và thu nhập ổn định đủ điều kiện kinh tế để nuôi hai con chung nên không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[9] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh S được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[13] Ý kiến của Kiểm sát viên:

[13.1] Về tố tụng: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án.

[13.2] Về nội dung giải quyết vụ án: Do tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Xử cho chị T và anh S ly hôn. Về con chung giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[14] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên cần ghi nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, 10, 11 và 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

[2.] Tuyên xử:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Phương T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với anh Nguyễn Hoàng S, xử cho chị Trần Thị Phương T và anh Nguyễn Hoàng S ly hôn

[2.2] Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Phương T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Phúc H, sinh ngày: 14/9/2010 và Nguyễn Hoàng Yến N, sinh ngày: 12/9/2006.

[2.2.1] Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cho anh Nguyễn Hoàng S do chị T không yêu cầu.

[2.2.2] Sau khi ly hôn, chị T và anh S vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con ...).

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Phương T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0006423 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[5] Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND h. Thống Nhất;
- CC THADS h. Thống Nhất;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Mạnh Cường**